

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

***Dự thảo đề cương Luật kèm
công văn số 10958/BTC-CST
ngày 17/8/2017***

LUẬT

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG, THUẾ
TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT, THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP, THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
VÀ THUẾ TÀI NGUYÊN**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 31/2013/QH13, Luật số 71/2014/QH13 và Luật số 106/2016/QH13, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 70/2014/QH13 và Luật số 106/2016/QH13, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13 và Luật số 71/2014/QH13, Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2012/QH13 và Luật số 71/2014/QH13, Luật thuế tài nguyên số 45/2009/QH12.

Điều 1

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 31/2013/QH13 và theo Luật số 106/2016/QH13:

1. Các khoản 3a và khoản 23 Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3a. Thức ăn gia súc, gia cầm và thức ăn cho vật nuôi khác.”.

“23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác.”.

2. Bãi bỏ khoản 6 Điều 5.

3. Bãi bỏ điểm h khoản 1 Điều 7.

4. Khoản 2 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Mức thuế suất 6% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây:

- a) Phân bón; quặng để sản xuất phân bón; thuốc phòng trừ sâu bệnh và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng;
- b) Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp;
- c) Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa qua chế biến, trừ sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này;
- d) Mủ cao su sơ chế; nhựa thông sơ chế;
- đ) Thực phẩm tươi sống; lâm sản chưa qua chế biến, trừ gỗ, măng và sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật này;
- e) Đường; phụ phẩm trong sản xuất đường, bao gồm gi đường, bã mía, bã bùn;
- g) Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rơm, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; bông sơ chế; giấy in báo;
- h) Máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, bao gồm máy cày, máy bừa, máy cấy, máy gieo hạt, máy tuốt lúa, máy gặt, máy gặt đập liên hợp, máy thu hoạch sản phẩm nông nghiệp, máy hoặc bình bơm thuốc trừ sâu; tàu đánh bắt xa bờ;
- i) Máy nội soi, máy siêu âm, máy chụp X-quang, máy chụp cộng hưởng từ, máy chụp cắt lớp; máy móc, thiết bị, dụng cụ dùng để khám, gây mê, mổ, khâu, băng, bó, tiêm, hô hấp; bông, băng vệ sinh y tế; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; sản phẩm hóa dược, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh;
- k) Giáo cụ dùng để giảng dạy và học tập, bao gồm các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước kẻ, com-pa;
- l) Đồ chơi cho trẻ em;
- m) Dịch vụ khoa học, công nghệ theo quy định của Luật khoa học và công nghệ;
- n) Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật nhà ở.”

5. Khoản 3 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Mức thuế suất 12% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.”

6. Khoản 2 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau:

a) Có hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu;

b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới mười triệu đồng trừ một số trường hợp được coi là thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của Chính phủ;

c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ; hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu.

Việc thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu dưới hình thức thanh toán bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu, trả nợ thay Nhà nước được coi là thanh toán không dùng tiền mặt.”.

7. Khoản 1 Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc trong quý thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.

Trường hợp cơ sở kinh doanh có sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật này có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết lũy kế sau ít nhất mười hai tháng tính từ tháng đầu tiên hoặc ít nhất sau bốn quý tính từ quý đầu tiên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế đối với hàng hóa do cơ sở sản xuất ra. Việc hoàn thuế này không áp dụng đối với cơ sở kinh doanh khâu thương mại; trường hợp vừa sản xuất, vừa kinh doanh khâu thương mại, cơ sở kinh doanh thực hiện hạch toán riêng để được hoàn thuế cho hàng hóa chịu thuế GTGT 6% của cơ sở sản xuất.

Trường hợp cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có dự án đầu tư mới, đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho đầu tư mà chưa được khấu trừ và có số thuế còn lại từ ba trăm triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.

Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp:

a) Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký;

b) Kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động.

Chính phủ quy định chi tiết khoản này.”.

Điều 2

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tiêu thụ đặc biệt số 27/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 70/2014/QH13 và Luật số 106/2016/QH13:

1. Bổ sung điểm 1 vào khoản 1 Điều 2 như sau:

“1) Nước ngọt bao gồm loại có ga, không ga, tăng lực, thể thao, trà, cà phê uống liền được đóng gói theo dây chuyền sản xuất công nghiệp, trừ: nước trái cây, nước rau quả 100% tự nhiên, sữa và các sản phẩm sữa”.

2. Sửa đổi Điều 5 như sau:

“Điều 5. Căn cứ tính thuế

1. Căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt là giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và thuế suất. Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp bằng giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt nhân với thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. Đối với mặt hàng hàng thuốc lá điếu và xì gà ngoài việc xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp theo quy định tại Khoản 1 Điều này, tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu thuốc lá thực hiện nộp thuế tiêu thụ đặc biệt ở khâu nhập khẩu và khâu sản xuất trong nước theo mức: 1.000 đồng/bao thuốc lá 20 điếu; 1.500 đồng/điếu xì gà”.

3. Sửa đổi khoản 1 Điều 6 như sau:

“1. Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra. Đối với mặt hàng xe ô tô từ 9 chỗ ngồi chở xuống, giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được trừ đi phần giá trị linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước.

Trường hợp hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt được bán cho cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có quan hệ công ty mẹ, công ty con hoặc các công ty con trong cùng công ty mẹ với cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu hoặc cơ sở kinh doanh thương mại là cơ sở có mối quan hệ liên kết thì giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt không được thấp hơn tỷ lệ phần trăm (%) so với giá bình quân của các cơ sở kinh doanh thương mại mua trực tiếp của cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra theo quy định của Chính phủ.”.

4. Mục I Biểu thuế tiêu thụ đặc biệt quy định tại Điều 7 được sửa đổi, bổ sung như sau:

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
I	Hàng hoá	
1	Thuốc lá điếu, xì gà và các chế phẩm khác từ cây thuốc lá	75
2	Rượu	
	a) Rượu từ 20 độ trở lên	65

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
	b) Rượu dưới 20 độ	35
3	Bia	65
4	Xe ô tô dưới 24 chỗ	
	a) Xe ô tô chở người từ 9 chỗ trở xuống, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này	
	- Loại có dung tích xi lanh từ 1.500 cm ³ trở xuống	35
	- Loại có dung tích xi lanh trên 1.500 cm ³ đến 2.000 cm ³	40
	- Loại có dung tích xi lanh trên 2.000 cm ³ đến 2.500 cm ³	50
	- Loại có dung tích xi lanh trên 2.500 cm ³ đến 3.000 cm ³	60
	- Loại có dung tích xi lanh trên 3.000 cm ³ đến 4.000 cm ³	90
	- Loại có dung tích xi lanh trên 4.000 cm ³ đến 5.000 cm ³	110
	- Loại có dung tích xi lanh trên 5.000 cm ³ đến 6.000 cm ³	130
	- Loại có dung tích xi lanh trên 6.000 cm ³	150
	b) Xe ô tô chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này	15
	c) Xe ô tô chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này	10
	d) Xe ô tô vừa chở người, vừa chở hàng, trừ loại quy định tại các điểm 4đ, 4e và 4g của Biểu thuế quy định tại Điều này	Bằng 60% mức thuế suất áp dụng cho xe từ 9 chỗ trở xuống cùng loại dung tích xi lanh quy định tại điểm 4a, 4đ và 4e Điều này.
	đ) Xe ô tô chạy bằng xăng kết hợp năng lượng điện (xe nạp điện bằng hệ thống sạc điện riêng), năng lượng sinh học, trong đó tỷ trọng xăng sử dụng không quá 70% số năng lượng sử dụng.	Bằng 70% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại quy định tại các điểm 4a, 4b, 4c và 4d của Biểu thuế quy định tại Điều này.
	e) Xe ô tô chạy bằng năng lượng sinh học	Bằng 50% mức thuế suất áp dụng cho xe cùng loại quy định tại các điểm 4a, 4b, 4c và 4d của Biểu

STT	Hàng hoá, dịch vụ	Thuế suất (%)
		thuế quy định tại Điều này
	g) Xe ô tô chạy bằng điện	
	- Loại chở người từ 9 chỗ trở xuống	15
	- Loại chở người từ 10 đến dưới 16 chỗ	10
	- Loại chở người từ 16 đến dưới 24 chỗ	5
	- Loại thiết kế vừa chở người, vừa chở hàng	10
	h) Xe mô-tô-hôm (motorhome) không phân biệt dung tích xi lanh	75
5	Xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh có dung tích xi lanh trên 125 cm ³	20
6	Tàu bay	30
7	Du thuyền	30
8	Xăng các loại	
	a) Xăng	10
	b) Xăng E5	8
	c) Xăng E10	7
9	Điều hoà nhiệt độ công suất từ 90.000 BTU trở xuống	10
10	Bà lá	40
11	Vàng mã, hàng mã	70
12	Nước ngọt	10

Điều 3

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 32/2013/QH13 và Luật số 71/2014/QH13:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 và khoản 10 Điều 4 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 như sau:

“7. Khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam. Khoản hỗ trợ từ Ngân sách Nhà nước”.

“10. Phần thu nhập không chia của cơ sở thực hiện xã hội hoá trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hoá khác để lại để đầu tư phát triển cơ sở đó theo quy định của luật chuyên ngành về lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y tế và lĩnh vực xã hội hoá khác; phần thu nhập hình thành tài sản không chia của hợp tác xã được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật hợp tác xã.

Việc miễn thuế quy định tại khoản này chỉ áp dụng trong trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hoá để lại tối thiểu là 25% phần thu nhập từ hoạt động xã hội hóa để đầu tư phát triển cơ sở xã hội hóa.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này”.

2. Sửa đổi Khoản 3 Điều 7 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 1 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 như sau:

“3. Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải xác định riêng để kê khai nộp thuế. Lãi từ chuyển nhượng dự án đầu tư, lãi từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, lãi từ chuyển nhượng bất động sản của doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh đang được hưởng ưu đãi thuế phải xác định riêng để kê khai nộp thuế; doanh nghiệp chỉ được bù trừ lãi của hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư, chuyển nhượng bất động sản với lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh không được hưởng ưu đãi thuế.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 và khoản 3 Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 như sau:

“1. Trừ các khoản chi quy định tại khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ mọi khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; khoản chi cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp; khoản chi thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

b) Khoản chi có đủ hoá đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật. Đối với hoá đơn mua hàng hoá, dịch vụ từng lần có giá trị từ **mười** triệu đồng trở lên phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các trường hợp không bắt buộc phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật.

c) Thuế giá trị gia tăng chưa được khấu trừ hết nhưng không đủ điều kiện hoàn thuế thì được tính vào chi phí được trừ”.

4. Bổ sung điểm q vào khoản 2 Điều 9 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 1 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 như sau:

“q) Chi phí trả lãi tiền vay vốn tương ứng với khoản vay vượt quá 5 lần vốn chủ sở hữu (5:1) đối với lĩnh vực sản xuất, vượt quá 4 lần vốn chủ sở hữu (4:1) đối với các lĩnh vực còn lại, riêng các tổ chức tín dụng, ngân hàng thì tỷ lệ này không quá 12 lần vốn chủ sở hữu; đối với một số ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp đã có quy định của pháp luật về tỷ lệ tối thiểu vốn chủ sở hữu trên tổng vốn đầu tư thì thực hiện theo quy định đó.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 như sau:

“2. Doanh nghiệp có tổng doanh thu năm dưới ba tỷ đồng áp dụng thuế suất 15%.

Doanh nghiệp có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người; đồng thời đáp ứng điều kiện có tổng doanh thu năm từ ba tỷ đồng đến năm mươi tỷ đồng áp dụng thuế suất 17%.

Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất 17% và 15% tại khoản này là tổng doanh thu của doanh nghiệp trong năm.

Mức thuế suất 17% và 15% quy định tại khoản này không áp dụng đối với doanh nghiệp là các công ty tổ chức theo mô hình công ty mẹ - công ty con mà công ty mẹ nắm giữ từ 25% vốn chủ sở hữu của công ty con trở lên.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 và bổ sung khoản 3 vào Điều 11 Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 như sau:

“2. Đối với doanh nghiệp quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 2 Luật này, số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam, cụ thể như sau:

a) Dịch vụ, hoạt động tư vấn, giám sát: 5%, riêng dịch vụ quản lý nhà hàng, khách sạn, casino: 10%; Trường hợp cung ứng dịch vụ có gắn với hàng hóa thì hàng hóa được tính theo tỷ lệ 1%; Trường hợp không tách riêng được giá trị hàng hoá với giá trị dịch vụ: 2%;

b) Cung cấp và phân phối hàng hóa tại Việt Nam theo hình thức xuất nhập khẩu tại chỗ: 0,5%; Cung cấp và phân phối hàng hóa tại Việt Nam theo hình thức khác hoặc theo các điều khoản thương mại quốc tế (Incoterms): 1%;

c) Tiền bản quyền: 10%;

d) Thuê tàu bay (kể cả thuê động cơ, phụ tùng tàu bay), tàu biển: 2%;

đ) Thuê giàn khoan, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải (trừ quy định tại điểm d khoản này): 5%;

e) Lãi tiền vay: 5%;

g) Chuyển nhượng chứng khoán, tái bảo hiểm ra nước ngoài: 0,1%;

h) Dịch vụ tài chính phái sinh: 2%;

i) Xây dựng, vận tải và hoạt động khác: 2%;

k) Chuyển nhượng vốn (trừ dầu khí): 1%.

3. Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác không phải là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp có doanh thu hàng năm dưới ba tỷ đồng (trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế theo quy định của Luật thuế giá trị gia tăng) có hoạt động kinh doanh hàng hoá, dịch vụ có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà các đơn vị này hạch toán được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ theo quy định của Chính phủ.

Doanh thu làm căn cứ xác định doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng tỷ lệ thuế trên doanh thu quy định tại khoản này được áp dụng ổn định cho mỗi giai đoạn hai năm, kể từ năm áp dụng.

Các trường hợp nộp thuế theo tỷ lệ phần trăm (%) trên doanh thu quy định tại khoản này không phải quyết toán thuế khi giải thể, phá sản.

Trường hợp đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác không phải là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp có doanh thu hàng năm dưới ba tỷ đồng xác định được doanh thu và thuế giá trị gia tăng đầu vào thì đăng ký với cơ quan thuế để thực hiện nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % tính trên doanh thu tính thuế”.

7. Bãi bỏ Điều 12 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12.

8. Sửa đổi điểm a, điểm b, điểm c, điểm d và điểm e khoản 1 Điều 13 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 và Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 như sau:

“1. Áp dụng thuế suất 10% trong thời gian mười lăm năm đối với:

a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; khu kinh tế (trừ khu kinh tế thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi theo quy định của pháp luật);

b) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới, bao gồm: ứng dụng công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quy định của Luật công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư mạo hiểm cho phát triển công nghệ cao thuộc danh

mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển theo quy định của Luật công nghệ cao; đầu tư xây dựng - kinh doanh cơ sở ương tạo công nghệ cao, ương tạo doanh nghiệp công nghệ cao; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đặc biệt quan trọng của Nhà nước theo quy định của pháp luật; sản xuất sản phẩm phần mềm; sản xuất vật liệu composit, các loại vật liệu xây dựng nhẹ, vật liệu quý hiếm; sản xuất năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng từ việc tiêu hủy chất thải; phát triển công nghệ sinh học; bảo vệ môi trường; hoạt động cung cấp một số dịch vụ phần mềm quan trọng và sản xuất sản phẩm nội dung thông tin số cần ưu tiên phát triển theo quy định của Chính phủ;

c) Thu nhập của doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Luật công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ theo quy định của Luật Khoa học và Công nghệ;

d) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới trong lĩnh vực sản xuất (trừ dự án sản xuất mặt hàng thuộc diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (không bao gồm dự án sản xuất ô tô), dự án khai thác khoáng sản) đáp ứng một trong hai tiêu chí sau:

- Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu sáu nghìn tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá ba năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và có tổng doanh thu tối thiểu đạt mười nghìn tỷ đồng/năm chậm nhất sau ba năm kể từ năm có doanh thu.

- Dự án có quy mô vốn đầu tư tối thiểu sáu nghìn tỷ đồng, thực hiện giải ngân không quá ba năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và sử dụng trên ba nghìn lao động.

e) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, trừ dự án sản xuất mặt hàng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (không bao gồm dự án sản xuất ô tô) và dự án khai thác khoáng sản, có quy mô vốn đầu tư tối thiểu mười hai nghìn tỷ đồng, sử dụng công nghệ phải được thẩm định theo quy định của Luật công nghệ cao, Luật khoa học và công nghệ, thực hiện giải ngân tổng vốn đầu tư đăng ký không quá 5 năm kể từ ngày được phép đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư”.

9. Bổ sung điểm g vào khoản 2 Điều 13 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 và Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 như sau:

“g) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ thuộc sở hữu Nhà nước đã bán cho người đang thuê, bị hư hỏng nặng, có nguy cơ sụp đổ, không bảo đảm an toàn cho người sử dụng để bán, cho thuê, cho thuê mua theo quy định của Luật Nhà ở”.

10. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 3 Điều 13 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 như sau:

“a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn; dự án đầu tư tại vùng nông thôn sử dụng từ 500 lao động trở lên.”.

11. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 13 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 và Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 như sau:

“6. Thời gian áp dụng thuế suất ưu đãi quy định tại Điều này được tính từ năm đầu tiên dự án đầu tư mới của doanh nghiệp có doanh thu; đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ; đối với dự án ứng dụng công nghệ cao được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận dự án ứng dụng công nghệ cao.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 và Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 như sau:

“2. Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 3 Điều 13 của Luật này, thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghiệp (trừ khu công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi theo quy định của pháp luật), thu nhập từ việc thực hiện hoạt động tài chính vi mô của tổ chức tài chính vi mô hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận theo quy định của pháp luật và thu nhập của cơ sở ươm tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ sở kỹ thuật, khu làm việc chung thành lập theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 được miễn thuế tối đa không quá hai năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá bốn năm tiếp theo”.

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 14 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 và Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 như sau:

“3. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư. Thời gian miễn thuế, giảm thuế đối với doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 của Luật này được tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ”.

14. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 16 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 như sau:

“2. Doanh nghiệp có lỗ từ hoạt động chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản được chuyển lỗ sang năm sau vào thu nhập tính thuế của hoạt động chuyển nhượng quyền thăm dò, khai thác khoáng sản. Thời gian chuyển lỗ theo quy định tại khoản 1 Điều này.”

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Luật số 32/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Luật số 71/2014/QH13 như sau:

“3. Doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp tại thời điểm cấp phép hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư. Trường hợp pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp có thay đổi mà doanh nghiệp đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế theo quy định của pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung thì doanh nghiệp được quyền lựa chọn hưởng ưu đãi về thuế suất và về thời gian miễn thuế, giảm thuế theo quy định của pháp luật tại thời điểm được phép đầu tư hoặc theo quy định của pháp luật mới được sửa đổi, bổ sung cho thời gian còn lại kể từ khi pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành.

Doanh nghiệp có dự án đầu tư mà tính đến hết kỳ tính thuế năm 2018 còn đang trong thời gian hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả trường hợp dự án đầu tư đã được cấp Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đối với dự án đầu tư trong nước gắn với việc thành lập doanh nghiệp mới có vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng và không thuộc Danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện) nhưng chưa được hưởng ưu đãi theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành và các trường hợp không thuộc diện hưởng ưu đãi theo quy định của các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp trước đây nhưng đáp ứng điều kiện ưu đãi theo Luật số 71/2014/QH13 và Luật này thì được chuyển sang hưởng ưu đãi theo Luật này cho thời gian còn lại từ kỳ tính thuế năm 2019. Trường hợp đang hưởng ưu đãi theo đầu tư mở rộng thì tiếp tục hưởng ưu đãi theo đầu tư mở rộng; trường hợp đang hưởng ưu đãi theo đầu tư mới thì tiếp tục hưởng ưu đãi theo đầu tư mới; trường hợp mức ưu đãi tại Luật này cao hơn mức ưu đãi đang hưởng (kể cả trường hợp thuộc diện nhưng chưa được hưởng) thì được chuyển sang áp dụng ưu đãi theo Luật này cho thời gian còn lại.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này”.

Điều 4

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 26/2012/QH13 và Luật số 71/2014/QH13:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 3 của Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 như sau:

“ 3. Thu nhập từ đầu tư vốn, bao gồm:

a) Tiền lãi cho vay;

b) Lợi tức cổ phần; trừ lợi tức được chia theo vốn góp của nông dân theo mô hình hợp tác liên kết giữa nông dân, các tổ chức đại diện của nông dân, doanh nghiệp với nhau được thực hiện bằng các hợp đồng cung cấp dịch vụ đầu vào gắn với sản xuất tiêu thụ và chế biến nông sản thuộc các dự án cánh đồng lớn được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Thu nhập từ đầu tư vốn dưới các hình thức khác, trừ thu nhập từ lãi trái phiếu Chính phủ.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 3 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 như sau:

“7. Thu nhập từ bản quyền, bao gồm:

- a) Thu nhập từ chuyển giao, chuyển quyền sử dụng các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ;
- b) Thu nhập từ chuyển giao công nghệ.
- c) Thu nhập từ chuyển giao, chuyển quyền sử dụng tài nguyên Internet theo quy định của Luật Viễn thông.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 như sau:

“Điều 5. Giảm thuế

1. Đối tượng nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn, bệnh hiểm nghèo ảnh hưởng đến khả năng nộp thuế thì được xét giảm thuế tương ứng với mức độ thiệt hại nhưng không vượt quá số thuế phải nộp.

2. Giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của các cá nhân là nhân lực công nghệ cao làm việc trong lĩnh vực công nghệ thông tin; thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân là nhân lực công nghệ cao trong lĩnh vực nông nghiệp, chế biến nông sản thuộc: dự án ứng dụng công nghệ cao, dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao thuộc danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển.

Giao Chính phủ quy định chi tiết cá nhân là nhân lực công nghệ cao được giảm 50% thuế thu nhập cá nhân quy định tại khoản này.

3. Thu nhập của chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án tài trợ bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA); chuyên gia nước ngoài làm việc tại chương trình, dự án phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam; cá nhân là người Việt Nam làm việc tại cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế thuộc Hệ thống Liên hợp quốc tại Việt Nam theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.”.

4. Sửa đổi Điều 7 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 như sau:

“Điều 7. Kỳ tính thuế

1. Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau:

- a) Kỳ tính thuế theo năm áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh; thu nhập từ tiền lương, tiền công;
- b) Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn; thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ trúng thưởng;

thu nhập từ bản quyền; thu nhập từ nhượng quyền thương mại; thu nhập từ thừa kế; thu nhập từ quà tặng.

2. Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.”.

5. Sửa đổi Điều 8 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 như sau:

“Điều 8. Quản lý thuế

Việc đăng ký thuế, kê khai, khấu trừ thuế, nộp thuế, xử lý vi phạm pháp luật về thuế và các biện pháp quản lý thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Luật số 71/2014/QH13 như sau:

“Điều 13. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn

1. Thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn là giá chuyển nhượng từng lần.

Đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán, thu nhập chịu thuế được xác định là giá chuyển nhượng từng lần.

2. Thời điểm xác định thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng vốn là thời điểm giao dịch chuyển nhượng vốn hoàn thành theo quy định của pháp luật.

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều này.”.

7. Sửa đổi Điều 22 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 như sau:

“Điều 22. Biểu thuế lũy tiến từng phần

1. Biểu thuế lũy tiến từng phần áp dụng đối với thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công và thu nhập tính thuế từ trúng thưởng.

2. Biểu thuế lũy tiến từng phần **đối với thu nhập tính thuế từ tiền lương, tiền công** được quy định như sau:

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 10	5
2	Trên 10 đến 30	10
3	Trên 30 đến 50	20

4	Trên 50 đến 80	28
5	Trên 80	35

“

3. Biểu thuế lũy tiến từng phần đối với thu nhập tính thuế từ trúng thưởng được quy định như sau:

Bậc thuế	Thu nhập tính thuế (tỷ đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 5	10
2	Trên 5 đến 10	20
3	Trên 10	30

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 23 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 2 Luật số 71/2014/QH13 như sau:

“2. Biểu thuế toàn phần được quy định như sau:

Thu nhập tính thuế	Thuế suất (%)
a) Thu nhập từ đầu tư vốn	5
b) Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại	5
c) Thu nhập từ thừa kế, quà tặng	10
d) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này	1
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này	0,1
đ) Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	2”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2004/QH12, đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Luật số 26/2012/QH13 như sau:

“Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trả thu nhập và trách nhiệm của đối tượng nộp thuế là cá nhân cư trú

1. Trách nhiệm kê khai, khấu trừ, nộp thuế được quy định như sau:

a) Tổ chức, cá nhân trả thu nhập có trách nhiệm kê khai, khấu trừ, nộp thuế vào ngân sách nhà nước đối với các loại thu nhập chịu thuế trả cho đối tượng nộp thuế.

Tổ chức chi trả thu nhập có trách nhiệm tạm tính thuế thu nhập cá nhân hàng tháng đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công cho cá nhân theo biểu thuế lũy tiến. Cuối năm tổ chức chi trả có trách nhiệm tính lại theo thu nhập bình quân 12 tháng để xác định cá nhân phải nộp thêm hoặc nộp thừa và tự bù trừ cho cá nhân.

b) Cá nhân có thu nhập chịu thuế có trách nhiệm kê khai, nộp thuế vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân trả thu nhập có trách nhiệm cung cấp thông tin về thu nhập và người phụ thuộc của đối tượng nộp thuế thuộc đơn vị mình quản lý theo quy định của pháp luật.

3. Chính phủ quy định mức khấu trừ thuế phù hợp với từng loại thu nhập quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và việc quyết toán thuế quy định tại khoản 1 Điều này.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 như sau:

“Điều 28. Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn

Thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn của cá nhân không cư trú được xác định bằng giá chuyển nhượng phần vốn tại tổ chức, cá nhân Việt Nam từng lần nhân với thuế suất 1%, không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.”.

Đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán, thuế được xác định bằng giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần nhân với thuế suất 0,1%.”.

Điều 5

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế tài nguyên số 45/2009/QH12:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 5 như sau:

“5. Đối với nước thiên nhiên (trừ nước thiên nhiên dùng cho sản xuất thủy điện) thì sản lượng tài nguyên tính thuế được xác định bằng mét khối (m³) hoặc lít (l) theo hệ thống đo đếm đạt tiêu chuẩn đo lường chất lượng Việt Nam.”

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm c khoản 3 Điều 6 như sau:

“3. Giá tính thuế tài nguyên trong một số trường hợp được quy định cụ thể như sau:

a) Đối với nước thiên nhiên dùng sản xuất thủy điện là giá bán lẻ điện bình quân do Bộ chuyên ngành quy định”.

“c) Đối với tài nguyên khai thác không tiêu thụ trong nước mà xuất khẩu là trị giá hải quan của tài nguyên khai thác xuất khẩu theo quy định của Luật Hải quan; ”

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2019, trừ khoản 2 Điều này.
2. Khoản 2 Điều 2 Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.
3. Bãi bỏ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 3 Luật thuế tài nguyên số 45/2009/QH12;
4. Bãi bỏ các quy định về quyết toán thuế tại Điều 24 Luật thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 26/2012/QH13.
5. Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày tháng năm 2017.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI